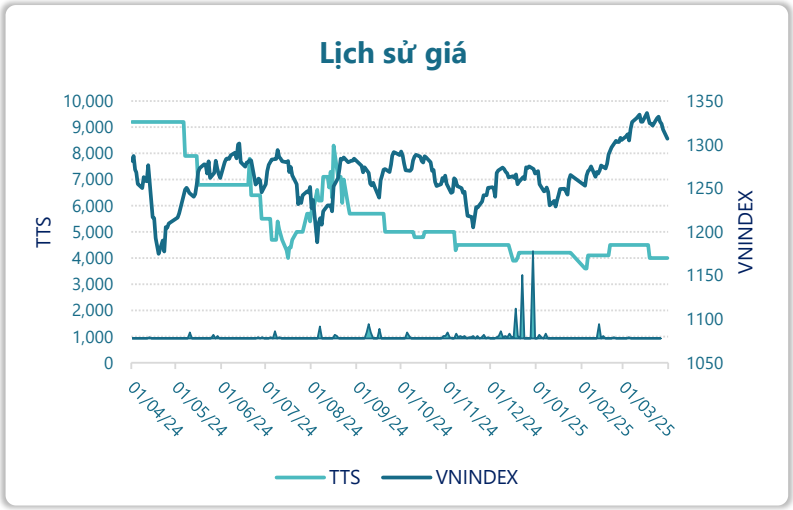
FireAnt

CTCP Cán thép Thái Trung (UPCOM: TTS)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	50,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	203
P/E	28.1
EPS	143

DT thuần

Q1/25

1,546

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 64.0| 4.3%

YoY: ▲ 330| 27.2%

LN sau thuế

Q1/25

0.57

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.94| 142%

YoY: ▼3.98| -87.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.9%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2024

5,338

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,166| 28.0%

LN sau thuế

2024

11.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.25| 281%

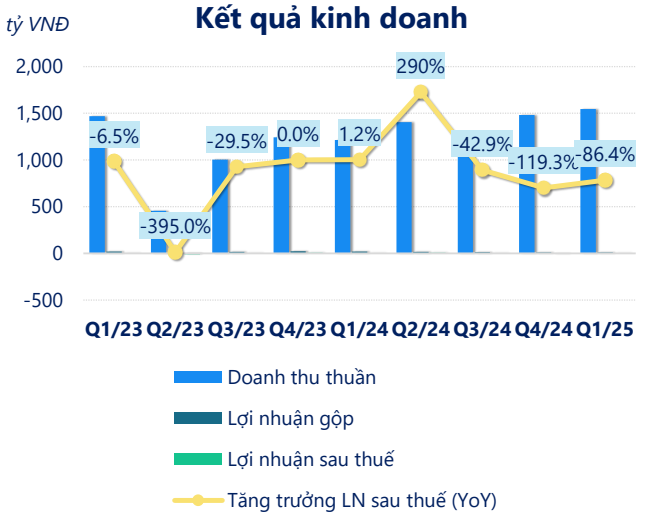
ROE

2024

3.7%

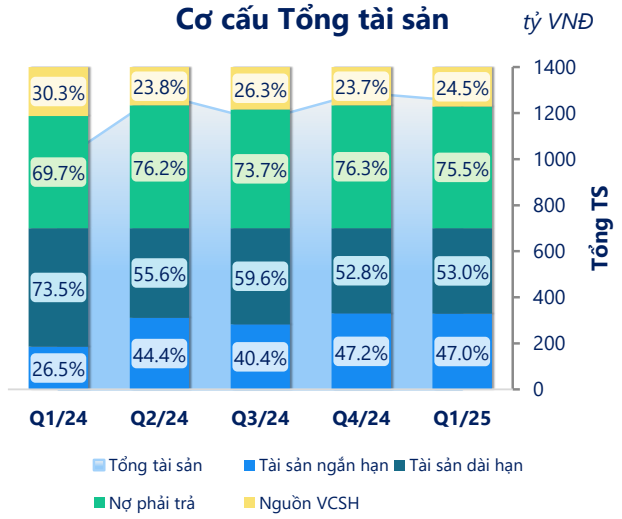
+/- YoY: ▲ 2.7%

Kết quả kinh doanh



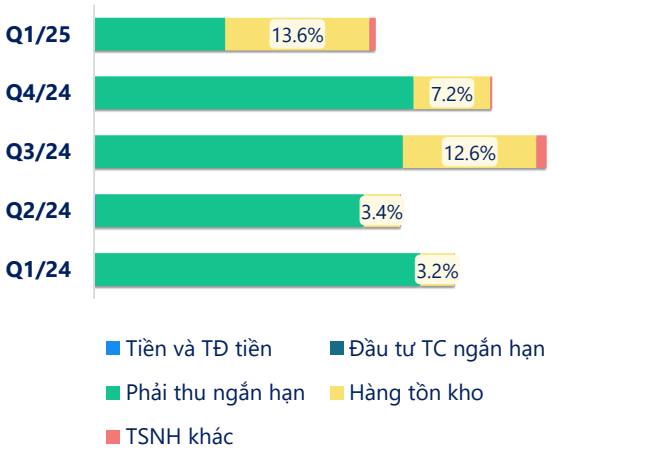
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



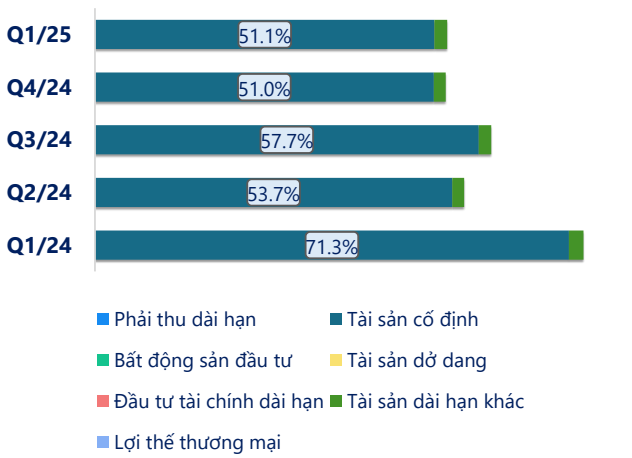
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



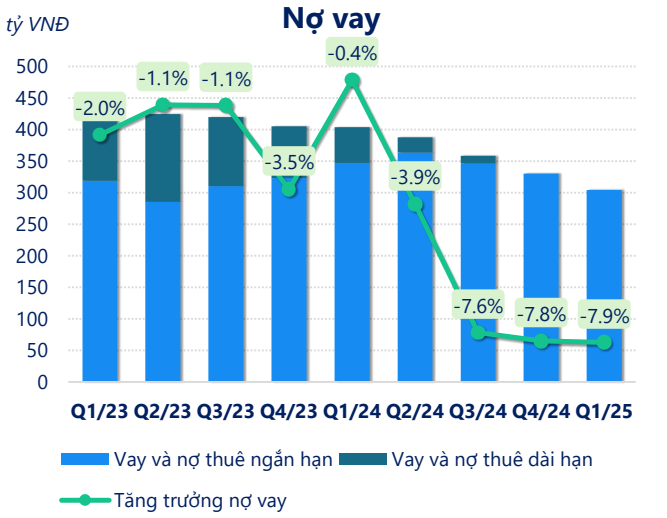
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



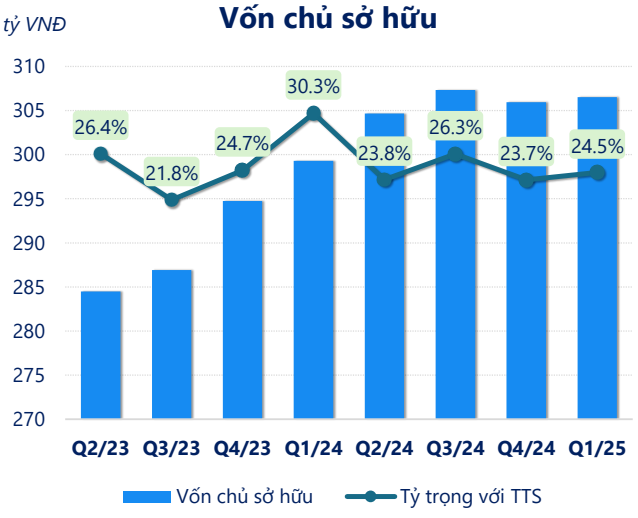
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



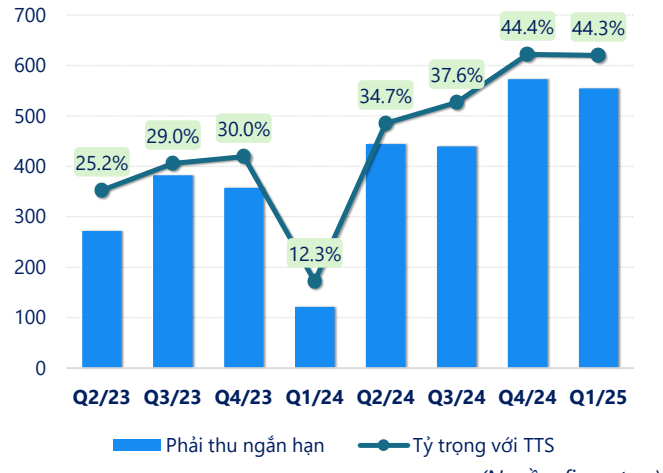
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



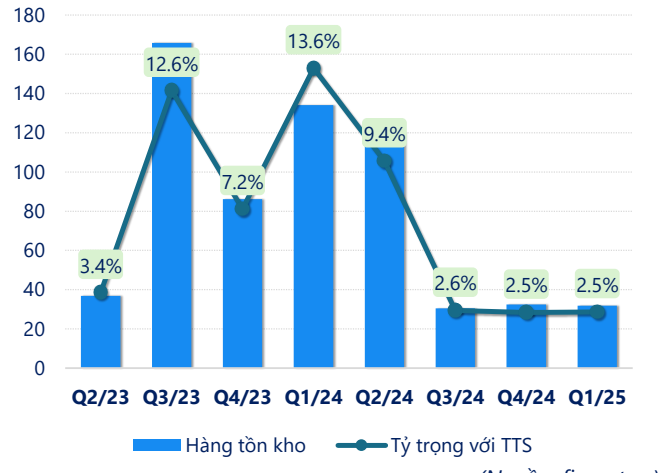
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



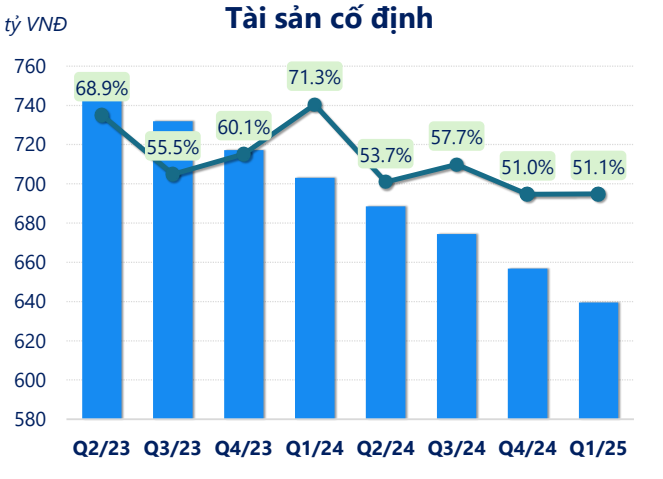
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



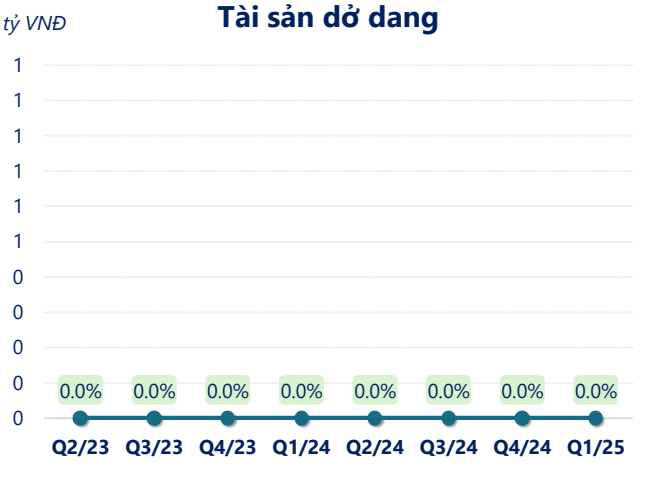
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



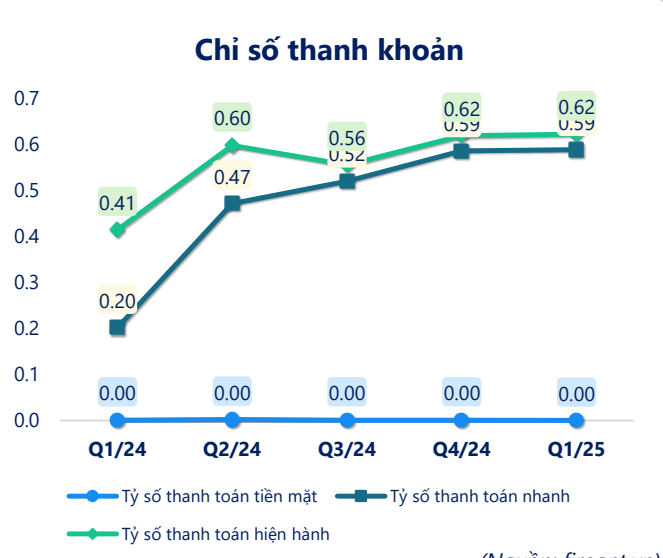
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



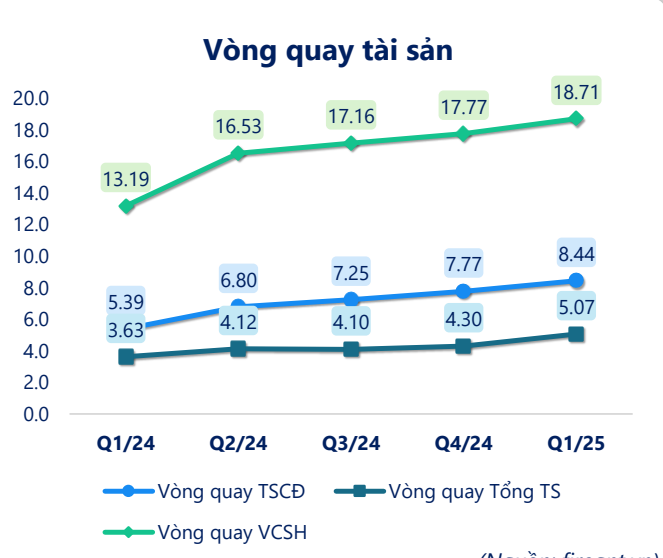
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**986**	**1,281**	**1,168**	**1,289**	**1,252**
Tài sản ngắn hạn	**261**	**569**	**472**	**608**	**588**
Tiền và tương đương tiền	0.35	2.09	0.64	0.92	0.19
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	121	444	439	573	554
Hàng tồn kho	134	120	30.5	32.5	31.9
Tài sản ngắn hạn khác	5.66	2.98	1.29	2.41	1.89
Tài sản dài hạn	**725**	**712**	**696**	**680**	**664**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	703	689	674	657	640
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	21.6	23.3	22.0	23.5	24.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**687**	**976**	**861**	**983**	**946**
Nợ ngắn hạn	**631**	**952**	**849**	**983**	**946**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	347	363	346	330	304
Phải trả người bán ngắn hạn	269	572	477	633	633
Nợ dài hạn	56.2	24.2	12.2	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	56.2	24.2	12.2	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**299**	**305**	**307**	**306**	**307**
Vốn chủ sở hữu	**299**	**305**	**307**	**306**	**307**
Vốn điều lệ	508	508	508	508	508
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)